

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 466/2025/HC-PT
Ngày 14 – 11– 2025
V/v “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tuyết Trinh
Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 185/2025/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 202 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là: Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1843/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1971. Nơi thường trú ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là: Xã N, tỉnh An Giang, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K (nay là: Đoàn Luật sư tỉnh A, có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là: Chủ tịch UBND) tỉnh Kiên Giang. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P - Phó Chủ tịch UBND tỉnh A (Giấy ủy quyền số 1711/GUQ-UBND ngày 12/11/2025).

Địa chỉ số F N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là: Phường R, tỉnh An Giang) có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn ngày 13/11/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lư Thị Trang Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang. Nay là Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1983. Nơi thường trú ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là: Xã N, tỉnh An Giang, có mặt).

2. Bà Đỗ Thị Mỹ C, sinh năm 1969. Nơi thường trú ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là: Xã Đ, Thành phố Cần Thơ, có mặt).

3. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1993. Nơi thường trú Khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là: Xã G, tỉnh An Giang, có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Ngô Thị T. Là người khởi kiện.

(Sau đây gọi tên địa danh, chức danh, cơ quan là tên địa danh, chức danh, cơ quan trước khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp: Xã, Phường, Đặc khu và Tỉnh, Thành phố).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2024 người khởi kiện bà Ngô Thị T trình bày:

Ngày 20/10/2015 bà Ngô Thị T nhận cầm cố đất của ông Ngô Văn T1 thửa đất số 527, tờ bản đồ số 13, diện tích 10.675m², tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CH 00108, cấp ngày 11/9/2012 do ông Ngô Văn T1 đứng tên, với 80 chỉ vàng 24K, hai bên có làm hợp đồng giấy tay, ông T1 đã giao đất cho bà T sử dụng từ đó đến nay, không tranh chấp.

Ngày 28/11/2023 khi bà T đang thực hiện việc sử dụng đất bơm nước, chuẩn bị xạ lúa thì chính quyền địa phương ngăn cản không cho gieo xạ mà bảo vệ cho bà Trần Thị Mỹ H gieo xạ lúa, lý do thửa đất ông Ngô Văn T1 đã chuyển nhượng cho bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó chính quyền ngang nhiên cho người vào đắp bờ, bảo vệ cho người của bà H gieo xạ lúa và thu hoạch xong vụ Đ1 xuân 2023 – 2024. Trước và trong thời điểm bà H gieo xạ lúa, bà T đã có đơn yêu cầu giải quyết gửi đến các cấp chính quyền nhưng không được giải quyết, nên ngày 17/3/2024 bà T lấy lại đất để gieo xạ vụ Hè thu 2024, Chủ tịch UBND tỉnh K cho rằng bà T đã chiếm đất của bà H nên ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất.

Bà T cho rằng, việc bà T sử dụng đất mang tên ông Ngô Văn T1 thông qua giao dịch dân sự cầm cố đất theo thỏa thuận của hai bên, bà H có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng chưa được thực hiện và có tranh chấp đang chờ Tòa án giải quyết, bà H chưa

hề sử dụng đất, nên việc cho rằng bà T có hành vi chiếm đất là không đúng.

Bà Ngô Thị T yêu cầu giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 947/QĐ-XPHC ngày 23/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Tại Văn bản số 1289/UBND-NC ngày 18 tháng 6 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh K trình bày:

Ngày 02/4/2024, UBND xã N biên bản vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn, với diện tích 10.675m² thuộc thửa đất số 1031, 1032 tờ bản đồ số 13 tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H, theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bà T không thừa nhận hành vi vi phạm với lý do diện tích đất nơi bà T đang sử dụng là do cầm cố từ ông Ngô Văn T1 từ năm 2015 với giá 80 chỉ vàng 24K; thời gian cầm cố là 03 năm, trường hợp hết hạn 03 năm mà ông T1 chưa chuộc lại đất thì bà tiếp tục sử dụng cho đến khi ông T1 trả vàng thì chuộc lại đất, nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa trả vàng và chuộc lại đất nên bà T tiếp tục sử dụng đất, không vi phạm chiếm đất.

Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ vụ việc vi phạm đã xác lập thể hiện: Thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 13, có diện tích 3.182.6m² thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Mỹ H (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV608717 cho bà Trần Thị Mỹ H vào ngày 11/01/2021) có nguồn gốc do bà Trần Thị Mỹ H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Ngô Văn T1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 16/11/2020 tại UBND xã N, huyện G. Thửa đất số 1032 tờ bản đồ số 13, diện tích 7.492,4m² có nguồn gốc do bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T1 vào ngày 12/3/2021.

Ngày 18/3/2024 bà Trần Thị Mỹ H có đơn tố cáo bà Ngô Thị T tự ý bao chiếm sử dụng toàn bộ diện tích 10.675m² đất tại 02 thửa đất số 1031, 1032 tờ bản đồ số 13 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H.

Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: "*Chiếm đất là việc tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép*".

Căn cứ quy định nêu trên, thể hiện thửa đất số 1031, 1032 tờ bản đồ số 13 diện tích 10.675m² tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H; việc bà Ngô Thị T tự ý sử dụng thửa đất số 1031, 1032 tờ bản đồ số 13, diện tích 10.675m² mà không được sự cho phép của bà Trần Thị Mỹ H là vi phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai và bị xử lý theo quy định. Vì vậy, UBND xã N tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông

thôn, với diện tích là 10.675m² vị trí thửa đất tại ấp N, xã N, huyện G là hoàn toàn đúng quy định.

Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định. Căn cứ lập biên bản, người có thẩm quyền lập biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng. Việc mô tả hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng với quy định. Trong biên bản vi phạm hành chính người vi phạm không ký tên vào biên bản vi phạm hành chính lý do bà T cho rằng không đồng ý biên bản, nhưng có đầy đủ chữ ký của người chứng kiến.

Tuy nhiên qua xem xét hồ sơ, Sở Tư pháp nhận thấy UBND xã N chưa làm rõ việc giao biên bản vi phạm và số thu lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi chiếm đất của bà T, nên Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho ông Nguyễn Chí L1, công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường UBND xã đại diện Chủ tịch UBND tỉnh xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T. Ngày 15/4/2024 người được ủy quyền đã xác minh làm rõ các tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với bà T theo biên bản số 01/BB-XM về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính và báo cáo của UBND xã N về kết quả xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T.

Từ những nội dung trên Chủ tịch UBND tỉnh K đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

- Bà Trần Thị Mỹ H và bà Đỗ Thị Mỹ C cho rằng: Thửa đất bà T vào chiếm sử dụng là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Ngô Văn T1 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó cho ông T1 thuê lại sử dụng và phải trả tiền thuê. Năm 2023 hết hạn thuê đất mới lấy lại đất sử dụng vụ lúa Đông xuân năm 2023-2024 xong, chuẩn bị làm vụ lúa Hè thu năm 2024 thì bà T vào chiếm sử dụng, nên có làm đơn tố cáo đến người có thẩm quyền can thiệp, việc xử phạt hành chính đối với bà T về hành vi chiếm đất là đúng pháp luật, yêu cầu sớm thi hành quyết định để nhận lại đất sử dụng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Ông Ngô Văn T1 cho rằng: Giữa ông T1 với bà Ngô Thị T là chị em ruột, ông T1 thừa nhận có cầm cố đất cho bà T, do chưa trả tiền nên bà T vẫn sử dụng đất này khi nào trả tiền cố đất thì nhận lại đất; đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Mỹ H là hợp đồng giả cách phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, chưa giao đất cho bà H, hai bên thỏa thuận ông T1 trả tiền thuê đất (tức tiền lãi) cho bà H, nhưng đất do bà T sử dụng, sau 5 năm đến 7 năm ông T1 trả đủ tiền cho bà H thì hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất, năm 2023 bà H lấy lại đất sử dụng, hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà H với ông T1 đang có tranh chấp được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý chưa được giải quyết xong.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, quyết định (tóm tắt):

Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 947/QĐ-XPHC ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K đối với bà Ngô Thị T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/4/2025, người khởi kiện là bà Ngô Thị T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Lý do kháng cáo: Bà T cho rằng bà không chiếm đất, đất bà sử dụng là từ Hợp đồng cổ đất và ông Ngô Văn T1 tự nguyện giao đất cho bà sử dụng; hồ sơ không có căn cứ ông T1 giao đất cho bà H và thực tế bà H không sử dụng đất, nên Quyết định hành chính của người bị kiện cho rằng bà T chiếm đất là không đúng.

Vì thế, bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 947/QĐ-XPHC ngày 23/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo bà Ngô Thị T, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T.

- Bà Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ C1, trình bày: Đồng ý đối với nhận định và quyết định của án sơ thẩm, không đồng ý đối với kháng cáo của bà T, không thừa nhận có cho ông Ngô Văn T1 vay tiền mà việc bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nhận chuyển nhượng đất (phần đất đang tranh chấp) từ ông Ngô Văn T1, nên yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T.

- Ông Ngô Văn T1, trình bày: Đất bà T sử dụng bị người bị kiện xử phạt vi phạm hành chính là đất của ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T1 giao đất cho bà T sử dụng là từ hợp đồng cầm cố đất giữa ông T1 và bà T, việc bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông T1 vay tiền của bà H nên ký tên hợp đồng giả cách (là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất), ông T1 đang tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H tại Tòa án nhưng bà H lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T.

- Luật sư L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Tòa sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng không đưa ông Ngô Văn T2 là người bà T đang có tranh chấp đối với phần đất bà T cầm cố vào tham gia tố tụng, bà T sử dụng đất hợp pháp, ngay tình từ hợp đồng cầm cố với ông T1, việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1 với bà H là hợp đồng giả cách che đậy hợp đồng vay tiền, ông T1 đang tranh chấp với bà H về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Tòa án nhưng bà H được cấp giấy chứng nhận là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm, hủy quyết định bị kiện.

- Bà Trang Đ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Bà Ngô Thị T sử dụng đất thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của Trần Thị Mỹ H mà không được bà H đồng ý là hành vi chiếm đất, quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H thông qua hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà H với ông Ngô Văn T1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phải được bảo vệ. Còn việc bà T cho rằng sử dụng đất thông qua hợp đồng cầm cố đất giữa bà T với ông T1 chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận, nên việc sử dụng đất này là không đúng pháp luật. Bà Trang Đ đồng ý với nhận định và quyết định của án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về tố tụng:

- Kháng cáo của bà Ngô Thị T còn trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tòa sơ thẩm xác định là đúng quy định tại các Điều 30, 32 và 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa tiến hành xét xử vắng mặt.

* Về nội dung: Đối với kháng cáo của bà Ngô Thị T người khởi kiện, xét:

[1] Tính hợp pháp của quyết định bị kiện:

[1.1] Thẩm quyền ban hành quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

[1.2] Xét nguồn gốc đất và đơn khởi kiện của bà Ngô Thị T:

Theo các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp thể hiện: Diện tích đất 10.675m² thuộc các thửa đất số 1031 và 1032, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Ngô Văn T1 (em bà Ngô Thị T), ông T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho bà Trần Thị Mỹ H, hai bên có lập hợp đồng được chứng thực, theo đó bà H được Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trần Thị Mỹ H.

Bà Ngô Thị T cho rằng, đất này ông T1 cầm cố cho bà T để nhận 80 chỉ vàng 24, hai bên có lập Tờ cố đất ngày 20/10/2015, bà T sử dụng đất trên cơ sở nhận cầm cố đất từ ông T1, không phải chiếm đất của bà Trần Thị Mỹ H.

Trong khi đó, bà H cho rằng đất ông T1 chuyển nhượng cho bà H đã làm thủ tục sang tên, bà H đang sử dụng đất thì bà T vào chiếm sử dụng.

Đối với ông Ngô Văn T1 cho rằng, việc cố đất cho bà T là có thật, còn hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà H là hợp đồng giả cách đảm bảo cho hợp đồng vay tài sản, các bên đang có tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thụ lý giải quyết chưa xong.

Xét thấy, bà Ngô Thị T vào diện tích đất 10.675m² sử dụng thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H mà không được sự đồng ý của bà H là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bà T không cung cấp được một trong các loại giấy tờ liên quan đến diện tích đất này theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Về hành vi vi phạm hành chính của bà T, người bị kiện cũng đã thẩm tra, xác minh ghi lời khai bà T và ghi lời khai của một số người có liên quan thể hiện phần đất hiện nay bà T đang chiếm dụng là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Trần Thị Mỹ H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Ngô Văn T1.

Đối với hợp đồng cầm cố đất giữa bà Ngô Thị T với ông Ngô Văn T1 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Văn T1 với bà Trần Thị Mỹ H, bà Đỗ Thị Mỹ C, các bên tranh chấp thì Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ theo quy định của Bộ Luật dân sự để giải quyết.

Tại thời điểm bà Ngô Thị T bị lập biên bản vi phạm hành chính, đất này đang do bà H là người trực tiếp sử dụng đất trên cơ sở được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T1 với bà H, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này chưa bị cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào tuyên bố là vô hiệu hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên hành vi tự ý sử dụng đất của bà T trong khi bà H đang sử dụng đất mà không được sự đồng ý của bà H là hành vi chiếm đất.

[1.3] Xét tính hợp pháp của Biên bản vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC được Công chức địa chính thuộc UBND xã N ngày 02/4/2024 đối với bà Ngô Thị T về hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn khi đang thực hiện nhiệm vụ công vụ trên địa bàn xã N là thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

[1.4] Xét tính hợp pháp của quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 947/QĐ-XPHC ngày 23/4/2024):

Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T là đúng thẩm quyền và thời hạn ra quyết định được quy định tại khoản 3 Điều 38, Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Về nội dung, căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 02/4/2024 thể hiện: “.....ngày 17/3/2024 bà Ngô Thị T đã gieo sạ lúa, bao chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn của bà Trần Thị Mỹ H với tổng diện tích 10.675m², thuộc thửa đất số 1031-1032, tờ bản đồ số 13, vị trí đất tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang, hai thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do UBND huyện G cấp ngày 26/01/2021 và do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 11/01/2021 do bà Trần Thị Mỹ H đứng tên...”. Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị T về hành vi chiếm đất nông nghiệp (đất trồng lúa) là đúng quy định theo nhận định tại mục [1.2].

Loại đất 10.675m² bà Ngô Thị T chiếm được xác định đất nông nghiệp (đất trồng lúa) tại khu vực nông thôn, Chủ tịch UBND tỉnh K áp dụng hình thức phạt chính là phạt tiền 105.000.000 đồng là mức phạt tiền phù hợp với quy định tại Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, nên việc bà T cho rằng xử phạt không đúng pháp luật là không có căn cứ.

Biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 501.725 đồng là phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Về thời hạn xử phạt, theo quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, cho thấy mặc dù hành vi đã thực hiện trước đó, nhưng tại thời điểm kiểm tra và lập biên bản người vi phạm

vẫn đang thực hiện hành vi thì lập biên bản vi phạm tại thời điểm kiểm tra khi thực hiện công vụ, nên thời hạn để tính xử phạt vi phạm hành chính kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

[2] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm; bác kháng cáo của bà Ngô Thị T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0015098 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là: Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

[4] Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241, các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194, 225 của Luật Tổ tụng hành chính; Các Điều 23, 38, 58, 66, 67 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

- Căn cứ Điều 32, 34 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Xử:

1. Bác kháng cáo của bà Ngô Thị T, giữ nguyên án sơ thẩm.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T. Về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 947/QĐ-XPHC ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà Ngô Thị T.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0015098 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là: Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Nên đã nộp xong.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không

có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VT (6), HS (2), T18 (BA36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tữu